TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 510/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Bà Lê Bích Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hô*n" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 742/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 789/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 496, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 496, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà D, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị D trình bày: Hôn nhân giữa bà D với ông T là do cha mẹ định đoạt, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện An, tỉnh An Giang năm 2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà D bị tai nạn gãy chân, tổn thương mặt nghiêm trọng, phải nằm một chỗ để điều trị. Thời gian này ông T không quan tâm, chăm sóc cho bà D, cũng không hỏi thăm bà D. Đến nay bà D đã đi lại được, nhưng đã không còn tình cảm với ông T nên sống ly thân từ thời gian nhập viện cho đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, gia đình bà D có khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm nhưng phía gia đình ông T và ông T không quan tâm. Bà D thấy mình không cò tình cảm với ông T và không thể chung sống với nhau nên bà D xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung: 01/ Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/01/2010, đang sống với cô hai; 02/ Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 22/6/2017, đang sống với bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Riêng cháu T, bà D vẫn có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng nhưng nếu bé muốn sống với cha bà D vẫn đồng ý giao cho cha nuôi dưỡng, bà D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông T vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 26/10/2022 người thân bà D cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D và ông T là do bà D bị tai nạn gãy chân, tổn thương mặt nghiêm trọng, phải nằm một chỗ để điều trị, thời gian này ông T không quan tâm, chăm sóc cũng không hỏi thăm gì đến bà D, theo bà thì ông T và bà D không có khả năng đoàn tụ vì họ gặp nhau là cự cải; về con chung thì có hai con chung; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Căn cứ Sổ hộ khẩu số: 010184568 ngày 21/10/2010, hồ sơ hộ khẩu số: 4285, chủ hộ mang tên ông Nguyễn Văn T được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực ngày 06/9/2022, có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay: Bà D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà D, ông T có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D và nguyện vọng của con chung, giao con chung cho bà D được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà D.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T do cha mẹ định đoạt, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng chứng nhận đăng ký kết hôn số: 632 vào ngày 07/6/2010 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T phát sinh từ tháng 4/2022 nhưng đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn. Hiện tại bà D và ông T đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông T không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung: 01/ Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/01/2010, đang sống với cô hai; 02/ Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 22/6/2017, đang sống với bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Tại biên bản ghi lời khai, cháu T có nguyện vọng được sống với bà D. Xét thấy, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Q và cháu T cho bà D được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét thấy nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà D phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 632 vào ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/01/2010; cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 22/6/2017.

Công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà Diều đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007143 ngày 29/9/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang